

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu

các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

E-HSMT được bên mời thầu đánh giá theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Nhà thầu phải tham khảo các yêu cầu kỹ thuật tương ứng quy định tại Chương V [Yêu cầu về kỹ thuật] để lập E-HSMT. E-HSMT có điểm đánh giá về kỹ thuật đạt ≥ 70 điểm và có tổng số điểm của từng nội dung yêu cầu bằng hoặc lớn hơn số điểm tối thiểu yêu cầu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Các nội dung đánh giá về kỹ thuật gồm:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm quy định trong HSMT	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
I	Giải pháp kỹ thuật	20	14
1	Mức độ am hiểu về phạm vi, quy mô, tính chất của gói thầu	2	
2	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, thiết bị	10	

2.1	Kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ, có tài liệu chứng minh khả năng cung cấp các vật tư, vật liệu chính: Nhựa đường; Cấp phối đá dăm các loại; Đá dăm các loại; Cát các loại; Xi măng các loại; Thép các loại; Cấp dự ứng lực; Gối cầu; Khe co giãn; lớp phòng nước dạng phun. (Có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác đáp ứng yêu cầu)	5	
2.2	Kế hoạch và giải pháp cung cấp vật liệu: Có kế hoạch, giải pháp đảm bảo cung cấp đủ số lượng vật tư, vật liệu phù hợp với tiến độ thi công	2	
2.3	Khả năng sẵn sàng huy động máy móc thiết bị thi công công trình	3	
	- Nhà thầu sở hữu $\geq 50\%$ máy móc thiết bị theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	3	
	- Nhà thầu sở hữu $< 50\%$ và phải đi thuê máy móc thiết bị theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	1	
3	Tổ chức mặt bằng công trường: Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công; Bố trí rào chắn, biển báo; Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	4	
4	Hệ thống tổ chức nhân sự: Có sơ đồ, thuyết minh hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường đầy đủ, hợp lý: Các bộ phận kỹ thuật quản lý tiến độ, thi công, chất lượng, hành chính kế toán, vật tư, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh môi trường,... các tổ đội thi công.	4	
II	Biện pháp tổ chức thi công (Hồ sơ kèm theo thuyết minh và bản vẽ Biện pháp tổ chức thi công).	35	24,5
1	Công tác thi công nền, móng, mặt đường	15	
a)	Công tác chuẩn bị, công tác trắc đạc	2	

b)	Công tác thi công phát quang	1	
c)	Công tác thi công đào đất	2	
d)	Công tác thi công đào phá đá	2	
e)	Công tác khai thác, vận chuyển, điều phối đất, đá	4	
	- Có phương án khai thác đất, đá đảm bảo tính khả thi, hợp lý.	1	
	- Có phương án thi công tập kết vật liệu dư thừa đảm bảo khả thi, hợp lý.	1	
	- Có phương án vận chuyển điều phối đất, đá và có sơ đồ điều phối chi tiết khả thi và hợp lý.	2	
g)	Công tác đắp K95, K98 nền đường	1	
h)	Công tác thi công cấp phối đá dăm - móng đường	1	
i)	Công tác thi công mặt đường bê tông nhựa	2	
2	Công tác thi công công trình cầu	8	
a)	Công tác thi công kết cấu phần dưới	3	
b)	Công tác thi công kết cấu phần trên	3	
c)	Công tác thi công các hạng mục khác và hoàn thiện	2	
3	Công tác thi công công trình khác trên tuyến	12	
a)	Công tác thi công hệ thống thoát nước ngang: cống tròn, cống hộp	2	

b)	Công tác thi công hệ thống thoát nước dọc	2	
c)	Công tác thi công tường chắn	3	
d)	Công tác thi công gia cố mái taluy	2	
e)	Công tác thi công đường giao, vượt nối dân sinh	2	
g)	Công tác thi công khớp nối các dự án, gói thầu lân cận	1	
III	Tiến độ thi công	10	7
1.	Tổng tiến độ thi công: Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công được bố trí, phối hợp khoa học, hợp lý; Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công trong mùa mưa.	2	
2.	Biểu đồ huy động nhân sự, vật liệu, thiết bị thi công: (Có biểu đồ huy động đầy đủ, hợp lý)	2	
3.	Có đề xuất rút ngắn tiến độ thực hiện gói thầu từ 30 ngày trở lên	2	
4.	Biện pháp thi công 3 ca, 4 kíp, 24/7 làm xuyên ngày nghỉ lễ tết đẩy nhanh tiến độ gói thầu	4	
IV	Biện pháp bảo đảm chất lượng	20	14
1	Sơ đồ quản lý chất lượng	2	
2	Quy trình lập và quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng	2	
3	Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị:	3	
a)	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị	1	
b)	Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão	1	

c)	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu, thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu	1	
4.	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công:	13	
a)	Công tác đào đất, đá	2	
b)	Công tác vận chuyển, đắp, lu lèn	2	
c)	Công tác móng đường	1	
d)	Công tác mặt đường	2	
e)	Công tác thi công hệ thống tường chắn, gia cố mái taluy	2	
g)	Công tác ván khuôn, cốt thép, bê tông	1	
h)	Công tác thi công công trình cầu	2	
i)	Công tác thi công hệ thống thoát nước	1	
V	Vệ sinh môi trường, PCCC, an toàn lao động, an toàn giao thông	9	6,3
1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường	2	
a)	Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường (tiếng ồn, rung, bụi, khói, nước thải, rác thải...) phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	1	
b)	Sơ đồ danh sách các bộ phận, cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý vệ sinh môi trường; nghĩa vụ của các chủ thể này trong quá trình triển khai gói thầu	0,5	
c)	Có cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường từ khi khởi công cho đến khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng	0,5	
2	Phòng cháy, chữa cháy	2	
a)	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ	1	

b)	Sơ đồ danh sách các bộ phận cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý để phòng cháy, chữa cháy; nghĩa vụ của các chủ thể này trong quá trình triển khai gói thầu	0,5	
c)	Có cam kết đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy từ khi khởi công cho đến khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng	0,5	
3	An toàn lao động	2	
a)	Giải pháp xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; biện pháp đảm bảo an toàn đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động	1	
b)	Giải pháp quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường	0,5	
c)	Có cam kết tất cả các cán bộ và công nhân trước khi thi công gói thầu phải được đào tạo về an toàn lao động theo quy định	0,5	
4	An toàn giao thông	3	
a)	Có giải pháp và cam kết đảm bảo An toàn giao thông ra, vào, trong nội bộ công trường	1	
b)	Có giải pháp và cam kết đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường vừa thi công vừa khai thác phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng kết cấu cầu, đường trên tuyến, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.	2	
VI	Bảo hành, bảo trì	2	1,4
1	Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng và thuyết minh về việc phối hợp của nhà thầu trong quá trình bảo hành, bảo trì	1	
2	Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc, trách nhiệm bảo hành trong vòng 14 ngày khi có yêu cầu của Chủ đầu tư	0,5	
3	Cam kết hỗ trợ các đơn vị quản lý, khai thác công trình thực hiện bảo hành, bảo trì khi có yêu cầu	0,5	

VII	Thưởng, phạt hợp đồng	2	1,4
1	Có đề xuất cụ thể chế tài thưởng, phạt vi phạm hợp đồng đối với vi phạm về tiến độ	0,5	
2	Có đề xuất cụ thể chế tài thưởng, phạt vi phạm hợp đồng đối với vi phạm về chất lượng	0,5	
3	Có đề xuất cụ thể chế tài thưởng, phạt vi phạm hợp đồng đối với vi phạm về an toàn lao động, vệ sinh môi trường	0,5	
3	Có đề xuất cụ thể chế tài thưởng, phạt vi phạm hợp đồng đối với vi phạm khác (nhân sự, quản lý hồ sơ, an ninh trật tự,...)	0,5	
VIII	Uy tín của nhà thầu	2	1,4
1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ: Nhà thầu không vi phạm và kèm theo cam kết. <i>(Nhà thầu cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư về nội dung cam kết. Đối với nhà thầu liên danh: Xét toàn bộ thành viên liên danh, Trường hợp nhà thầu không có cam kết hoặc từ 01 thành viên liên danh không có cam kết được đánh giá là không điểm).</i>	1,5	
2	Nhà thầu không có hợp đồng bỏ dở (bỏ ngang) hoặc hợp đồng bị chủ đầu tư kết luận bằng văn bản là không hợp tác. <i>(Nhà thầu cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư về nội dung cam kết. Đối với nhà thầu liên danh: Xét toàn bộ thành viên liên danh, Trường hợp nhà thầu không có cam kết hoặc từ 01 thành viên liên danh không có cam kết được đánh giá là không điểm).</i>	0,5	
	Tổng cộng	100	70

MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT